

UBND TỈNH THANH HÓA
VĂN PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /QĐ-VP Thanh Hoá, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường/UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa

CHÁNH VĂN PHÒNG UBND TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ về việc hướng dẫn nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 248/QĐ-BNNMT ngày 20 tháng 01 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường;

Căn cứ Quyết định số 3617/QĐ-UBND ngày 20 tháng 11 năm 2025 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Thanh Hóa về việc ủy quyền cho Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh công bố thủ tục hành chính, danh mục thủ tục hành chính;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 129/TTr-SNNMT ngày 23 tháng 01 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố kèm theo Quyết định này Danh mục 02 thủ tục hành chính mới ban hành; 20 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung; 04 thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Thanh Hóa (có Danh mục kèm theo)¹.

¹ Tra cứu toàn bộ nội dung của TTHC trên Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ: <http://dichvucong.gov.vn>

Điều 2. Giao Sở Nông nghiệp và Môi trường xây dựng quy trình nội bộ giải quyết thủ tục hành chính gửi Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh để xây dựng quy trình điện tử trước ngày 30/01/2026.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường; Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 QĐ;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường (bản điện tử);
- Bộ Tư pháp (bản điện tử);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh (để b/c);
- Cổng thông tin điện tử tỉnh (để đăng tải);
- Lưu: VT, HCC.

CHÁNH VĂN PHÒNG



Nguyễn Thế Anh

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH, ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG, BỊ BÃI BỎ
TRONG LĨNH VỰC TÀI NGUYÊN NƯỚC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP
VÀ MÔI TRƯỜNG/ỦY BAN NHÂN DÂN CẤP XÃ TỈNH THANH HÓA**

(Kèm theo Quyết định số /QĐ-VP ngày tháng 01 năm 2026 của Chánh Văn phòng UBND tỉnh Thanh Hóa)

A. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH MỚI BAN HÀNH

Stt	Tên thủ tục hành chính (Mã hồ sơ TTHC trên Công DVC quốc gia)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý
I THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1	Đăng ký khai thác nước mặt, nước biển, đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch (2.002835.H56)	07 ngày làm việc	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá). - Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.
2	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành hoặc đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài	11 ngày làm việc	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá). - Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký,

nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiên cấp quyền (1.014716.H56)	công quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (<i>thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính</i>).	cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiên cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.
--	---	---

B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

Sửa đổi 17 thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 26/06/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa.

Sửa đổi 03 thủ tục hành chính đã được công bố tại Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học; Đo đạc và Bản đồ; Khí tượng, thủy văn; Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Thanh Hóa.

Stt	Tên thủ tục hành chính (Mã hồ sơ TTHC trên Công DVC quốc gia)	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Phí, lệ phí (nếu có)	Căn cứ pháp lý	Nội dung sửa đổi, bổ sung
I	THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH					
1	Cấp Giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm. (1.004232.000.00.00.H56)	30 ngày làm việc, cụ thể: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá). - Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia	- Đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m ³ /ngày đêm: Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất:	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025. - Nghị định số	- Trình tự thực hiện; - Thời hạn giải quyết; - Thành phần hồ sơ; - Kết quả thực hiện TTHC;

		<p><i>trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 29 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án.</i></p> <p><i>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</i></p>	<p>(toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).</p>	<p>+ Đề án, báo cáo thiết kế giếng có lưu lượng dưới 200 m³/ngày đêm: 300.000 đồng/báo cáo.</p> <p>+ Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 200 đến dưới 500 m³/ngày đêm: 800.000 đồng/báo cáo.</p> <p>+ Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 500 đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 2.000.000 đồng/báo cáo.</p> <p>+ Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 1.000 đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 3.500.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đối với công trình có quy mô từ 3.000 m³/ngày đêm đến dưới 5.000 m³/ngày đêm:</p>	<p>54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh.</p> <p>- Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng các</p>	<p>- Tên mẫu đơn;</p> <p>- Căn cứ pháp lý.</p>
--	--	---	---	--	--	--

				<p>Chưa quy định.</p> <p>- Miễn phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.</p>	<p>khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quy về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.</p>	
2	<p>Gia hạn, điều chỉnh Giấy phép thăm dò nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m³/ngày đêm. (1.004228.000.00.00.H56)</p>	<p>24 ngày làm việc, cụ thể:</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn 23 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá).</p> <p>- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).</p>	<p>- Đối với công trình có quy mô dưới 3000 m³/ngày đêm: Phí thẩm định: Mức thu phí thẩm định bằng 50% mức cấp mới, cụ thể:</p> <p>- Đề án, báo cáo thiết kế giếng có lưu lượng dưới 200 m³/ngày đêm: 150.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo thăm dò có lưu</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2023.</p> <p>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025.</p> <p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p>	<p>- Trình tự thực hiện;</p> <p>- Thời hạn giải quyết;</p> <p>- Thành phần hồ sơ;</p> <p>- Kết quả thực hiện TTHC;</p> <p>- Tên mẫu đơn;</p> <p>- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC;</p> <p>- Căn cứ pháp lý.</p>

		<p><i>nhiệm thẩm định báo cáo.</i></p> <p><i>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</i></p>		<p>lượng từ 200 đến dưới 500 m³/ngày đêm: 400.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo thẩm dò có lưu lượng từ 500 đến dưới 1.000 m³/ngày đêm: 1.000.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo thẩm dò có lưu lượng từ 1.000 đến dưới 3.000 m³/ngày đêm: 1.750.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đối với công trình có quy mô từ 3000 m³/ngày đêm đến dưới 5.000 m³/ngày đêm: Chưa quy định.</p> <p>- Miễn phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.</p>	<p>- Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh.</p> <p>- Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quy về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản</p>	
--	--	---	--	--	---	--

					phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/20224 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.	
3	Cấp Giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m ³ /ngày đêm. (1.004223.000.00.00.H56)	<p>30 ngày làm việc, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn 29 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá). - Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính). 	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 3.000 m³/ngày đêm: + Đề án, báo cáo thiết kế giếng có lưu lượng dưới 200 m³/ngày đêm: 300.000 đồng/báo cáo. + Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 200 đến dưới 500 m³/ngày đêm: 800.000 đồng/báo cáo. + Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 500 đến dưới 1000 m³/ngày 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước. - Nghị quyết số 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình tự thực hiện; - Thời hạn giải quyết; - Thành phần hồ sơ; - Kết quả thực hiện TTHC; - Tên mẫu đơn; - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC; - Căn cứ pháp lý.

		<p>được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</p>		<p>đêm: 2.000.000 đồng/báo cáo. + Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 1000 đến dưới 3000 m³/ngày đêm: 3.500.000 đồng/báo cáo. - Phí thăm định đề án, báo cáo thăm dò, khai thác, sử dụng nước dưới đất có quy mô từ 3000 m³/ngày đêm đến dưới 5000 m³/ngày đêm: Chưa quy định. - Miễn phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.</p>	<p>28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh. - Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quy về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/20224 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.</p>	
--	--	---	--	---	---	--

4	<p>Gia hạn, điều chỉnh Giấy phép khai thác nước dưới đất đối với công trình có quy mô dưới 5.000 m³/ngày đêm. (1.004211.000.00.00.H56)</p>	<p><i>Thời hạn: 24 ngày làm việc.</i></p> <p><i>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định báo cáo: Trong thời hạn 23 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định báo cáo.</i></p> <p><i>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện báo cáo không tính vào thời gian thẩm định báo cáo. Thời gian thẩm định sau khi báo cáo được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</i></p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá).</p> <p>- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).</p>	<p>- Đối với công trình có quy mô dưới 3000 m³/ngày đêm: Phí thăm định: Mức thu phí thăm định gia hạn, điều chỉnh bằng 50% mức cấp mới, cụ thể: + Đề án, báo cáo thiết kế giếng có lưu lượng dưới 200 m³/ngày đêm: 150.000 đồng/báo cáo. + Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 200 đến dưới 500 m³/ngày đêm: 400.000 đồng/báo cáo. + Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 500 đến dưới 1000 m³/ngày đêm: 1.000.000 đồng/báo cáo. + Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 1000 đến dưới 3000 m³/ngày đêm: 1.750.000</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước. - Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của</p>	<p>- Trình tự thực hiện; - Thời hạn giải quyết; - Thành phần hồ sơ; - Kết quả thực hiện TTHC; - Tên mẫu đơn; - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC; - Căn cứ pháp lý.</p>
---	---	---	--	---	---	---

				<p>đồng/báo cáo.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đối với công trình có quy mô từ 3000 m³/ngày đêm đến dưới 5.000 m³/ngày đêm: Chưa quy định. - Miễn phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến. 	<p>Hội đồng nhân tỉnh.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quy về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/20224 của HĐND tỉnh Thanh Hóa. 	
5	<p>Cấp giấy phép khai thác nước mặt, nước biển (đối với các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 15 Nghị định số</p>	<p>Thời hạn: 30 ngày làm việc.</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá). - Nộp trực tuyến qua Cổng 	<ul style="list-style-type: none"> - Đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2024 được sửa đổi tại khoản 12, 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tên thủ tục hành chính; - Trình tự thực hiện; - Thời hạn giải quyết; - Thành phần

	<p>54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024, được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 12 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP) (1.004179.000.00.00.H56)</p>	<p>trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 29 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án.</p> <p>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</p>	<p>Dịch vụ công quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).</p>	<p>Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17 tháng 01 năm 2026 của Chính phủ:</p> <p>Phí thẩm định:</p> <p>+ Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1 m³/s; hoặc để phát điện với công suất dưới 50 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500m³/ngày đêm: 500.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 đến dưới 0,5 m³/s; hoặc để phát điện với công suất từ 50 đến dưới 200 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 đến</p>	<p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh.</p> <p>- Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp,</p>	<p>hồ sơ;</p> <p>- Kết quả thực hiện TTHC;</p> <p>- Tên mẫu đơn;</p> <p>- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC;</p> <p>- Căn cứ pháp lý.</p>
--	---	--	---	--	--	---

				<p>dưới 3000 m³/ngày đêm: 1.500.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 đến dưới 1 m³/s; hoặc để phát điện với công suất từ 200 đến dưới 1000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3000 đến dưới 20.000m³/ngày đêm: 4.000.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 đến dưới 2 m³/s; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 20.000 đến dưới</p>	<p>quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quy về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/20224 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.</p>	
--	--	--	--	---	---	--

				<p>50.000m³/ngày đêm: 6.000.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/s đến dưới 5 m³/s và có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m³ đến dưới 5 triệu m³ hoặc hồ chứa đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 5 m³/s đến dưới 10 m³/s: Chưa quy định.</p> <p>- Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt đối với công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác</p>	
--	--	--	--	--	--

				<p>từ 5 m³/s đến dưới 10 m³/s: hoặc để phát điện với công suất lắp máy từ 2.000 kw đến dưới 5.000 kw Chưa quy định.</p> <p>- Đề án, báo cáo khai thác nước mặt đối với công trình ngăn sông suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có chiều rộng thông nước từ 50m đến dưới 100 m: Chưa quy định.</p> <p>- Miễn phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.</p>		
6	<p>Gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác nước mặt, nước biển. (1.004167.000.00.00.H56)</p>	<p>24 ngày làm việc, cụ thể: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá). - Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (Một phần) tại địa chỉ:</p>	<p>- Đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 được sửa đổi tại khoản 12, Điều 2 Nghị định số</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày</p>	<p>- Trình tự thực hiện; - Thời hạn giải quyết; - Thành phần hồ sơ; - Kết quả thực hiện TTHC; - Tên mẫu đơn;</p>

		<p>- Thời hạn thẩm định đề án: Trong thời hạn 23 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định đề án.</p> <p>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện đề án không tính vào thời gian thẩm định đề án. Thời gian thẩm định sau khi đề án được bổ sung hoàn chỉnh là 18 ngày làm việc.</p>	<p>https://dichvucong.gov.vn</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).</p>	<p>23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ:</p> <p>Phí thẩm định: Mức thu phí thẩm định gia hạn, điều chỉnh bằng 50% mức mới, cụ thể:</p> <p>- Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1 m³/s; hoặc để phát điện với công suất dưới 50 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500 m³/ngày đêm: 250.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,1 đến dưới 0,5 m³/s; hoặc để phát điện với công suất từ 50 đến dưới 200 kw; hoặc cho các mục</p>	<p>16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh.</p> <p>- Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc</p>	<p>- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC;</p> <p>- Căn cứ pháp lý.</p>
--	--	---	---	--	---	--

				<p>đích khác với lưu lượng từ 500 đến dưới 3000m³/ngày đêm: 750.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 đến dưới 1 m³/s; hoặc để phát điện với công suất từ 200 đến dưới 1000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3000 đến dưới 20.000m³/ngày đêm: 2.000.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 đến dưới 2 m³/s; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác</p>	<p>thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quy về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/20224 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.</p>	
--	--	--	--	--	--	--

				<p>với lưu lượng từ 20.000 đến dưới 50.000m³/ngày đêm: 3.000.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/s đến dưới 5 m³/s và có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m³ đến dưới 5 triệu m³ hoặc hồ chứa đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 5 m³/s đến dưới 10 m³/s: Chưa quy định.</p> <p>- Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt đối với công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông nghiệp,</p>	
--	--	--	--	---	--

				<p>nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 5 m³/s đến dưới 10 m³/s: hoặc để phát điện với công suất lắp máy từ 2.000 kw đến dưới 5.000 kw Chưa quy định.</p> <p>- Đề án, báo cáo khai thác nước mặt đối với công trình ngăn sông suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có chiều rộng thông nước từ 50m đến dưới 100 m: Chưa quy định.</p> <p>- Miễn phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.</p>		
7	Cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (1.000824.000.00.00.H56)	<p>11 ngày làm việc, cụ thể:</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá).</p> <p>- Nộp trực tuyến qua Cổng</p>	<p>1. Đối với trường hợp cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất với công trình có lưu lượng dưới 3.000 m³/ngày đêm: Mức thu phí cấp lại</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025.</p>	<p>- Trình tự thực hiện; - Thời hạn giải quyết; - Thành phần hồ sơ; - Kết quả thực</p>

		<p><i>trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.</i></p>	<p>Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).</p>	<p>bằng 30% mức cấp mới, cụ thể:</p> <p>+ Đề án, báo cáo thiết kế giếng có lưu lượng dưới 200 m³/ngày đêm: 90.000 đồng/báo cáo.</p> <p>+ Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 200 đến dưới 500 m³/ngày đêm: 240.000 đồng/báo cáo.</p> <p>+ Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 500 đến dưới 1000 m³/ngày đêm: 600.000 đồng/báo cáo.</p> <p>+ Đề án, báo cáo thăm dò có lưu lượng từ 1000 đến dưới 3000 m³/ngày đêm: 1.050.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đối với trường hợp cấp lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước đối với công trình có lưu lượng từ 3.000</p>	<p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh.</p> <p>- Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp,</p>	<p>hiện TTHC;</p> <p>- Tên mẫu đơn;</p> <p>- Căn cứ pháp lý.</p>
--	--	--	---	--	--	--

				<p>m³/ngày đêm đến dưới 5.000 m³/ngày đêm: Chưa quy định.</p> <p>2. Đối với các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 15 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 được sửa đổi tại khoản 12, Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ:</p> <p>Mức thu phí cấp lại bằng 30% mức cấp mới:</p> <p>+ Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng dưới 0,1 m³/s; hoặc để phát điện với công suất dưới 50 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng dưới 500m³/ngày đêm: 150.000 đồng/báo cáo.</p> <p>+ Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng</p>	<p>quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quy về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/20224 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.</p>	
--	--	--	--	---	---	--

				<p>từ 0,1 đến dưới 0,5 m³/s; hoặc để phát điện với công suất từ 50 đến dưới 200 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 500 đến dưới 3000 m³/ngày đêm: 450.000 đồng/báo cáo.</p> <p>+ Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 0,5 đến dưới 1 m³/s; hoặc để phát điện với công suất từ 200 đến dưới 1000 kw; hoặc cho các mục đích khác với lưu lượng từ 3000 đến dưới 20.000m³/ngày đêm: 1.200.000 đồng/báo cáo.</p> <p>+ Đề án, báo cáo khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp với lưu lượng từ 1 đến dưới 2 m³/s; hoặc để phát điện với công suất từ 1.000 đến dưới 2.000 kw; hoặc cho các mục đích khác</p>		
--	--	--	--	--	--	--

				<p>với lưu lượng từ 20.000 đến dưới 50.000 m³/ngày đêm: 1.800.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Đối với cấp lại giấy phép khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển đối với các trường hợp:</p> <p>+ Khai thác sử dụng nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 2 m³/s đến dưới 5 m³/s và có dung tích toàn bộ từ 3 triệu m³ đến dưới 5 triệu m³ hoặc hồ chứa đập dâng thủy lợi khai thác nước mặt cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 5 m³/s đến dưới 10 m³/s: Chưa quy định.</p> <p>+ Khai thác sử dụng nước mặt đối với công trình khai thác nước mặt khác hồ chứa, đập dâng thủy lợi để cấp cho sản xuất nông</p>	
--	--	--	--	--	--

				<p>nghiệp, nuôi trồng thủy sản có quy mô khai thác từ 5 m³/s đến dưới 10 m³/s: hoặc để phát điện với công suất lắp máy từ 2.000 kw đến dưới 5.000 kw: Chưa quy định.</p> <p>- Khai thác nước mặt đối với công trình ngăn sông suối, kênh, mương, rạch với mục đích ngăn mặn, tạo nguồn, chống ngập, tạo cảnh quan có chiều rộng thông nước từ 50m đến dưới 100 m. Chưa quy định.</p> <p>3. Miễn phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.</p>		
8	<p>Trả lại giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước. (1.011518.000.00.00.H56)</p>	<p>11 ngày làm việc, cụ thể:</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ.</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá).</p> <p>- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn</p>	<p>Không quy định</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2023.</p> <p>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025.</p> <p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê</p>	<p>- Trình tự thực hiện;</p> <p>- Thời hạn giải quyết;</p> <p>- Thành phần hồ sơ;</p> <p>- Kết quả thực hiện TTHC;</p> <p>- Tên mẫu đơn;</p> <p>- Căn cứ pháp</p>

		<p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ.</p> <p>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc.</p>	<p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).</p>		<p>khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh.</p> <p>- Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quy về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản</p>	<p>lý.</p>
--	--	--	--	--	--	------------

					lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.	
9	Tạm dừng hiệu lực giấy phép thăm dò nước dưới đất, giấy phép khai thác tài nguyên nước (1.012500.H56)	<p><i>11 ngày làm việc, cụ thể:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ; Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ; Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ. - Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 6 ngày làm việc. 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá). - Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính). 	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước. - Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành 	<ul style="list-style-type: none"> - Trình tự thực hiện; - Thời hạn giải quyết; - Thành phần hồ sơ; - Kết quả thực hiện TTHC; - Tên mẫu đơn; - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC; - Căn cứ pháp lý.

					<p>quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh.</p> <p>- Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quy về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/20224 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.</p>	
10	Cấp giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (1.004122.000.00.00.H56)	<p>13 ngày làm việc, cụ thể:</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ,</p>	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá).	- Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ: 1.000.000 đồng/báo cáo.	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2023.</p> <p>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025.</p>	<p>- Trình tự thực hiện;</p> <p>- Thời hạn giải quyết;</p> <p>- Thành phần hồ sơ;</p>

		<p><i>Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 12 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định cho tổ chức, cá nhân và thẩm định hồ sơ, cấp giấy phép.</i></p> <p><i>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ, kiểm tra thực tế không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 5 ngày làm việc.</i></p>	<p>- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).</p>	<p>- Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn: Chưa quy định.</p> <p>- Miễn phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.</p>	<p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiên cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND tỉnh Thanh Hóa ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh.</p> <p>- Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc</p>	<p>- Kết quả thực hiện TTHC;</p> <p>- Tên mẫu đơn;</p> <p>- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC;</p> <p>- Căn cứ pháp lý.</p>
--	--	--	---	---	--	---

					thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quy về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/20224 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.	
11	Gia hạn giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (2.001738.000.00.00.H56)	<p>07 ngày làm việc, cụ thể:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 06 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm gửi thông báo nộp phí thẩm định 	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá). - Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính). 	<ul style="list-style-type: none"> - Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ: 500.000 đồng/báo cáo. - Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn: Chưa quy định. - Miễn phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến. 	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính 	<ul style="list-style-type: none"> - Tên thủ tục hành chính; - Trình tự thực hiện; - Thời hạn giải quyết; - Thành phần hồ sơ; - Kết quả thực hiện TTHC; - Tên mẫu đơn; - Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC; - Căn cứ pháp lý.

		<p><i>cho tổ chức, cá nhân và và thẩm định hồ sơ gia hạn giấy phép cho tổ chức, cá nhân.</i></p> <p><i>- Thời gian bổ sung, hoàn thiện hồ sơ không tính vào thời gian thẩm định hồ sơ. Thời gian thẩm định sau khi hồ sơ được bổ sung hoàn chỉnh là 03 ngày làm việc.</i></p>			<p><i>phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.</i></p> <p><i>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND tỉnh Thanh Hóa ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh.</i></p> <p><i>- Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân</i></p>	
--	--	---	--	--	--	--

					tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/20224 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.	
12	Cấp lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (1.004253.000.00.00.H56)	<p>06 ngày làm việc, cụ thể:</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận Một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.</p> <p>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ, cấp lại giấy phép.</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá).</p> <p>- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).</p>	<p>- Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất quy mô vừa và nhỏ: 300.000 đồng/báo cáo.</p> <p>- Phí thẩm định hồ sơ, điều kiện hành nghề khoan nước dưới đất quy mô lớn: Chưa quy định.</p> <p>- Miễn phí, lệ phí khi thực hiện dịch vụ công trực tuyến.</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2023.</p> <p>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025.</p> <p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND tỉnh Thanh Hóa ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các</p>	<p>- Thời hạn giải quyết;</p> <p>- Thành phần hồ sơ;</p> <p>- Kết quả thực hiện TTHC;</p> <p>- Tên mẫu đơn;</p> <p>- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC;</p> <p>- Căn cứ pháp lý.</p>

					<p>khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh.</p> <p>- Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quy về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/2024 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.</p>	
13	<p>Trả lại giấy phép hành nghề khoan nước dưới đất (1.012501.H56)</p>	<p>06 ngày làm việc, cụ thể:</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét,</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá).</p> <p>- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia</p>	Không quy định	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2023.</p> <p>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025.</p> <p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ</p>	<p>- Thời hạn giải quyết;</p> <p>- Thành phần hồ sơ;</p> <p>- Kết quả thực hiện TTHC;</p> <p>- Tên mẫu đơn;</p> <p>- Yêu cầu, điều</p>

		<p><i>kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có trách nhiệm thẩm định hồ sơ trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt quyết định chấp thuận trả lại giấy phép.</i></p>	<p>(Toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).</p>		<p>quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.</p>	<p>kiện thực hiện TTHC;</p> <p>- Căn cứ pháp lý.</p>
14	<p>Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình đã vận hành (2.001770.000.00.00.H56)</p>	<p>- 30 ngày làm việc (trường hợp nộp cùng với hồ sơ đề nghị cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước).</p> <p>- 24 ngày làm việc (trường hợp nộp cùng hồ sơ đề nghị gia hạn, điều chỉnh giấy phép khai thác tài nguyên nước).</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá).</p> <p>- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).</p>	<p>Không quy định</p>	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2023.</p> <p>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025.</p> <p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày</p>	<p>- Trình tự thực hiện;</p> <p>- Thời hạn giải quyết;</p> <p>- Thành phần hồ sơ;</p> <p>- Kết quả thực hiện TTHC;</p> <p>- Tên mẫu đơn;</p> <p>- Căn cứ pháp lý.</p>

					<p><i>17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.</i></p> <ul style="list-style-type: none">- Nghị quyết số 28/2024/NQ-HĐND tỉnh Thanh Hóa ngày 10/7/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh.- Nghị quyết số 12/2025/NQ-HĐND ngày 24/6/2025 của HĐND tỉnh Thanh Hoá về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quy về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định mức thu, miễn giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng các khoản phí, lệ phí thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân tỉnh ban hành kèm theo Nghị quyết số	
--	--	--	--	--	---	--

					28/2024/NQ-HĐND ngày 10/7/20224 của HĐND tỉnh Thanh Hóa.	
15	Điều chỉnh tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước (1.004283.000.00.00.H56)	<p>- 24 ngày làm việc (trường hợp theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 52 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 33 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP).</p> <p>- 11 ngày làm việc (trường hợp theo quy định tại các điểm b, c, d, đ, e, g, h, i và k khoản 1 Điều 52 Nghị định số 54/2024/NĐ-CP được sửa đổi, bổ sung bởi khoản 33 Điều 2 Nghị định số 23/2026/NĐ-CP).</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá).</p> <p>- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).</p>	Không quy định	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2023.</p> <p>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025.</p> <p>- Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước.</p> <p>- Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.</p>	<p>- Trình tự thực hiện;</p> <p>- Thời hạn giải quyết;</p> <p>- Thành phần hồ sơ;</p> <p>- Kết quả thực hiện TTHC;</p> <p>- Tên mẫu đơn;</p> <p>- Căn cứ pháp lý.</p>
16	Lấy ý kiến về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất (1.012503.H56)	<p>12 ngày làm việc, cụ thể:</p> <p>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn không quá 01 ngày</p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc</p>	Không quy định	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2023.</p> <p>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông</p>	<p>- Trình tự thực hiện;</p> <p>- Thời hạn giải quyết;</p> <p>- Căn cứ pháp</p>

		<p><i>làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 11 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến bằng văn bản về phương án bổ sung nhân tạo nước dưới đất gửi tổ chức, cá nhân.</i></p>	<p>Thành, tỉnh Thanh Hoá).</p> <p>- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).</p>		<p><i>nghiep và môi trường năm 2025.</i></p> <p><i>- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước.</i></p> <p><i>- Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT ngày 17/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước.</i></p>	lý.
17	<p>Lấy ý kiến về kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất (1.012504.H56)</p>	<p><i>12 ngày làm việc, cụ thể:</i></p> <p><i>- Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ.</i></p> <p><i>- Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 11 ngày làm việc, kể</i></p>	<p>- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá).</p> <p>- Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn</p> <p>- Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh</p>	Không quy định	<p>- Luật Tài nguyên nước năm 2023.</p> <p><i>- Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025.</i></p> <p>- Thông tư số 03/2024/TT-BTNMT ngày 16/5/2024 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều</p>	<p>- Trình tự thực hiện;</p> <p>- Thời hạn giải quyết;</p> <p>- Yêu cầu, điều kiện thực hiện TTHC;</p> <p>- Căn cứ pháp lý.</p>

		<i>từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường có ý kiến bằng văn bản về báo cáo kết quả vận hành thử nghiệm bổ sung nhân tạo nước dưới đất gửi tổ chức, cá nhân.</i>	<i>Hóa (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính).</i>		của Luật Tài nguyên nước. <i>- Thông tư số 06/2026/TT-BNNMT ngày 17/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Môi trường sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư trong lĩnh vực tài nguyên nước.</i>	
18	Thẩm định, phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước của hồ chứa thủy điện (2.001850.000.00.00.H56)	29 ngày làm việc, cụ thể: - Thời hạn kiểm tra hồ sơ: Trong thời hạn 01 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Bộ phận một cửa có trách nhiệm xem xét, kiểm tra tính đầy đủ, hợp lệ của hồ sơ. - Thời hạn thẩm định hồ sơ: Trong thời hạn 28 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ hợp lệ, Sở Nông nghiệp và Môi trường trình Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt phương án cấm mốc giới hành lang bảo vệ nguồn nước	- Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá). - Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (<i>thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính</i>).	Không quy định	- Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025. - Nghị định số 53/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Tài nguyên nước. - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.	- Trình tự thực hiện; - Thời hạn giải quyết; - Căn cứ pháp lý.

		đôi với hồ chứa thủy điện.				
19	<i>Lấy ý kiến về tác động của công trình khai thác nước (1.013799.H56)</i>	26 ngày làm việc.	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá). - Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (Một phần) tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn - Trung tâm Phục vụ hành chính công cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (<i>thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính</i>). 	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Điều 21 Nghị định số 131/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ quy định phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Nông nghiệp và Môi trường. - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước. 	<ul style="list-style-type: none"> - Tên thủ tục hành chính. - Thành phần hồ sơ; - Căn cứ pháp lý.

II THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ						
1	Đăng ký khai thác nước dưới đất 1.001662.000.00.00.H56	07 ngày làm việc.	<ul style="list-style-type: none"> - Trung tâm Phục vụ hành chính công UBND cấp xã thuộc UBND cấp xã tỉnh Thanh Hóa (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính). - Nộp trực tuyến qua Cổng Dịch vụ công quốc gia (Toàn trình) tại địa chỉ: https://dichvucong.gov.vn - Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả của Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, địa chỉ: Số 28 Đại lộ Lê Lợi, phường Hạc Thành, tỉnh Thanh Hoá (thực hiện tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả không phụ thuộc vào địa giới hành chính). 	Không quy định	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Tài nguyên nước năm 2023. - Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường năm 2025. - Nghị định số 54/2024/NĐ-CP ngày 16/5/2024 của Chính phủ quy định việc hành nghề khoan nước dưới đất, kê khai, đăng ký, cấp phép, dịch vụ tài nguyên nước và tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước. - Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước. 	<ul style="list-style-type: none"> Trình tự thực hiện; - Thành phần hồ sơ; - Thời hạn giải quyết; - Kết quả thực hiện TTHC; - Tên mẫu đơn; - Căn cứ pháp lý.

C. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ

- Bãi bỏ 02 TTHC đã được công bố tại Quyết định số 1239/QĐ-UBND ngày 24/4/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính chuẩn hóa lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và Đa dạng sinh học; Đo đạc và Bản đồ; Khí tượng, thủy văn; Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường/Ủy ban nhân dân cấp huyện/Ủy ban nhân dân cấp xã tỉnh Thanh Hóa.

- Bãi bỏ 02 TTHC đã được công bố tại Quyết định số 2155/QĐ-UBND ngày 26/06/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh Thanh Hóa về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành; được sửa đổi, bổ sung; bị bãi bỏ lĩnh vực Tài nguyên nước thuộc thẩm quyền quản lý của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Thanh Hóa.

TT	Mã hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính	Tên VBQPPL quy định việc bãi bỏ TTHC
I. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH			
1	1.012502.H56	Đăng ký sử dụng mặt nước, đào hồ, ao, sông, suối, kênh, mương, rạch	Nghị định số 23/2026/NĐ-CP ngày 17/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định trong lĩnh vực tài nguyên nước.
2	1.011516.000.00.00.H56	Đăng ký khai thác, sử dụng nước mặt, nước biển	
3	1.012505.H56	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình cấp cho sinh hoạt đã đi vào vận hành và được cấp giấy phép khai thác tài nguyên nước nhưng chưa được phê duyệt tiền cấp quyền	
4	1.009669.000.00.00.H56	Tính tiền cấp quyền khai thác tài nguyên nước đối với công trình chưa vận hành	